

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo quyết định số: 1621/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 19 tháng 7 năm 2013
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải)*

Tên chương trình: **Hệ thống thông tin
(Information Systems)**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Hệ thống thông tin**
Mã ngành: **52480104**
Loại hình đào tạo: **Chính quy**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Đại học Chính quy Hệ thống thông tin nhằm trang bị cho người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, chuyên môn toàn diện; năng lực thực hành cơ bản; có khả năng nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ; có sức khỏe, năng lực tư duy sáng tạo đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Nắm vững các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh để nhận thức được đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh, rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- Có kiến thức khoa học cơ bản và cơ sở cần thiết để tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;
- Có kiến thức chuyên môn toàn diện và năng lực thực hành cơ bản để nghiên cứu, phát triển và xây dựng thống thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp;
- Có năng lực nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề thực tiễn về hệ thống thông tin quản lý.

1.2.2. Kỹ năng

- Phân tích, thiết kế, cài đặt được hệ thống thông tin;
- Giải quyết được các bài toán ứng dụng hệ thống thông tin trong thực tế;
- Sử dụng tiếng Anh, để nghiên cứu, tiếp cận hiệu quả các vấn đề mới trong lĩnh vực chuyên ngành;

- Có năng lực tư duy, sáng tạo; phương pháp nghiên cứu khoa học, giao tiếp, thuyết trình và làm việc hiệu quả theo nhóm; tiếp cận được với tiến bộ khoa học trong lĩnh vực hệ thống thông tin.

1.2.3. Thái độ

- Nhận thức được vai trò của hệ thống thông tin trong công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh;

- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành pháp luật; ý thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân trong việc đóng góp cho ngành và sự phát triển của đất nước;

- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, trau dồi kiến thức, khả năng ngoại ngữ, để tự học suốt đời.

1.2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các đơn vị khai thác, bảo trì, phát triển, cài đặt hệ thống thông tin và hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin khác trong các cơ quan, doanh nghiệp; giảng dạy tại các trường cao đẳng, TCCN, dạy nghề...

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ

Có trình độ tiếng Anh tương đương 400 điểm TOEIC

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 144 tín chỉ, hai học phần bắt buộc là Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (8 TC) sẽ được cấp chứng chỉ riêng.

Lượng tín chỉ phân bổ cho các khối kiến thức được trình bày trong bảng sau:

STT	KHỐI KIẾN THỨC	BẮT BUỘC	TỰ CHỌN	TỔNG
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	40	4	44
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	92	8	100
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	42	4	46
2.2	Kiến thức ngành	38	4	42
2.3	Thực tập tốt nghiệp	4		4
2.4	Đồ án tốt nghiệp	8		8
	Tổng cộng	132	12	144

4. Đối tượng đào tạo

Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

5. Điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp

* Điều kiện nhập học: Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

* Điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục - Đào tạo).

6. Thang điểm

* Thang điểm 10: được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm ...) sử dụng thang điểm 10.

* Thang điểm 4: là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A, B+, B, C+, C, D+, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

Điểm tốt nghiệp là điểm trung bình chung tích lũy các học phần (trừ 02 học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh cấp chứng chỉ).

7. Nội dung chương trình

7.1. Tên và khối lượng các học phần

7.1.1. Kiến thức Giáo dục đại cương: Tổng số 44 TC

Bao gồm 40 TC các học phần bắt buộc (không kể Giáo dục thể chất 5 đvht, Giáo dục Quốc phòng - An ninh 8 TC) và 4 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		40 TC
7.1.1.1	Lý luận chính trị		12 TC
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	DC1LL01	2
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	DC1LL02	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC1LL03	2
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	DC1LL04	3
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	DC1LL05	2
7.1.1.2	Ngoại ngữ		8 TC
6	Tiếng Anh 1	DC1CB31	4
7	Tiếng Anh 2	DC1CB32	4
7.1.1.3	Toán, khoa học tự nhiên, tin học, công nghệ, môi trường		20 TC
8	Toán 1	DC1CB11	4
9	Toán 2	DC1CB12	3
10	Toán 3	DC1CB13	4
11	Vật lý đại cương 1	DC1CB21	4
12	Vật lý đại cương 2	DC1CB22	2
13	Tin học đại cương	DC1TT43	3
7.1.1.4	Giáo dục thể chất (cấp chứng chỉ riêng)		5 đvht
14	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	DC1TD01	1 đvht
15	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	DC1TD02	1 đvht
16	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	DC1TD03	1 đvht
17	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	DC1TD04	1 đvht
18	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	DC1TD05	1 đvht
7.1.1.5	Giáo dục Quốc phòng - An ninh (cấp chứng chỉ riêng)		8 TC
19	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	DC1QP01	3 TC
20	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	DC1QP02	2 TC

21	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	DC1QP03	3 TC
----	--	---------	------

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần tự chọn		4 / 8 TC
1	Lý thuyết xác suất - thống kê	DC1CB20	2
2	Kỹ thuật điện - Điện tử	DC1TH46	2
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DC1CB99	2
4	Bảo vệ môi trường	DC1TT90	2

7.1.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: Tổng số 100 TC

7.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: Tổng số 46 TC

Bao gồm 42 TC các học phần bắt buộc và 4 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		42 TC
1	Toán học rời rạc	DC2TT21	3
2	Kiến trúc máy tính	DC2HT11	3
3	Nhập môn Cơ sở dữ liệu	DC2TT22	3
4	Nguyên lý Hệ điều hành	DC2HT12	3
5	Ngôn ngữ lập trình C	DC2TT23	3
6	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	DC2HT26	4
7	Nhập môn mạng máy tính	DC2HT13	3
8	Lập trình trực quan C#	DC2HT34	3
9	Lý thuyết đồ thị	DC2HT25	2
10	Lập trình hướng đối tượng C++	DC2TT35	3
11	Lập trình trên môi trường Web	DC2HT36	3
12	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	DC2HT37	3
13	Công nghệ phần mềm	DC2HT38	3
14	Kỹ thuật đồ họa máy tính	DC2HT39	3
	* Học phần tự chọn		4 / 8 TC
1	Automat và ngôn ngữ hình thức	DC2TH33	2
2	Nhập môn chương trình dịch	DC2TH34	2
3	Kỹ thuật số	DC2DT61	2
4	Kỹ thuật vi xử lý	DC2DT63	2

7.1.2.2. Kiến thức ngành: Tổng số 42 TC

Bao gồm 38 TC các học phần bắt buộc và 4 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		38 TC
1	Tiếng Anh 3	DC3HT33	3
2	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	DC3HT40	3
3	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	DC3HT21	3

4	Trí tuệ nhân tạo	DC3HT12	3
5	Hệ trợ giúp quyết định	DC3HT22	3
STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
6	Nhập môn Xử lý ảnh	DC3HT16	3
7	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DC3HT15	3
8	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	DC3HT51	2
9	Hệ cơ sở tri thức	DC3HT23	3
10	Đồ án Xây dựng hệ thống thông tin	DC3HT49	3
11	Đồ án Mạng máy tính	DC3HT48	3
12	Thiết kế mạng máy tính	DC3HT46	3
13	Quản trị mạng	DC3TT47	3
	* Học phần tự chọn		4 / 8 TC
1	Hệ điều hành Unix	DC3TH63	2
2	Nhập môn tương tác người - máy	DC3TH17	2
3	Cơ sở dữ liệu phân tán	DC3TH24	2
4	Đồ họa ứng dụng	DC3TH25	2

7.1.2.3. Thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp (12 TC bắt buộc):

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
7.1.2.3.1	Thực tập tốt nghiệp		4 TC
1	Thực tập tốt nghiệp	DC4TH70	4
7.1.2.3.2	Đồ án tốt nghiệp		8 TC
2	Đồ án tốt nghiệp	DC4TH80	8

7.2. Khung chương trình đào tạo

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
I	Kiến thức giáo dục đại cương		44				
	* Học phần bắt buộc		40				
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	DC1LL01	2	21	18		
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	DC1LL02	3	30	30		DC1LL01
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC1LL03	2	21	18		DC1LL02
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	DC1LL04	3	30	30		DC1LL03
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	DC1LL05	2	30			
6	Tiếng Anh 1	DC1CB31	4	45	30		

7	Tiếng Anh 2	DC1CB32	4	45	30		DC1CB31
STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
8	Toán 1	DC1CB11	4	60			
9	Toán 2	DC1CB12	3	45			
10	Toán 3	DC1CB13	4	60			DC1CB12
11	Vật lý đại cương 1	DC1CB21	4	45	30		
12	Vật lý đại cương 2	DC1CB22	2	30			DC1CB21
13	Tin học đại cương	DC1TT43	3	30	30		
14	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	DC1TD01	1 đvht	8	22		
15	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	DC1TD02	1 đvht	8	22		
16	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	DC1TD03	1 đvht	8	22		
17	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	DC1TD04	1 đvht	3	27		
18	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	DC1TD05	1 đvht	3	27		
19	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	DC1QP01	3	45			DC1LL04
20	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	DC1QP02	2	30			
21	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	DC1QP03	3	15	60		
	* Học phần tự chọn		4/8				
1	Lý thuyết xác suất - thống kê	DC1CB20	2	30			
2	Kỹ thuật điện - Điện tử	DC1TH46	2	15	30		DC1CB21
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DC1CB99	2	30			
4	Bảo vệ môi trường	DC1TT90	2	30			
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		100				
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		46				
	* Học phần bắt buộc		42				
1	Toán học rời rạc	DC2TT21	3	45			DC1TT41
2	Kiến trúc máy tính	DC2HT11	3	30	30		DC1TT41
3	Nhập môn Cơ sở dữ liệu	DC2TT22	3	45			DC1TT41

4	Nguyên lý Hệ điều hành	DC2HT12	3	45			DC1TT41
STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
5	Ngôn ngữ lập trình C	DC2TT23	3	30	30		DC1TT41
6	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	DC2HT26	4	60			DC1TT41
7	Nhập môn mạng máy tính	DC2HT13	3	30	30		DC1TT41
8	Lập trình trực quan C#	DC2HT34	3	30	30		
9	Lý thuyết đồ thị	DC2HT25	2	30			DC2TT21
10	Lập trình hướng đối tượng C++	DC2TT35	3	30	30		DC2TT23
11	Lập trình trên môi trường Web	DC2HT36	3	30	30		DC2TT35
12	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	DC2HT37	3	30	30		DC2TT22
13	Công nghệ phần mềm	DC2HT38	3	45			
14	Kỹ thuật đồ họa máy tính	DC2HT39	3	30	30		
	* Học phần tự chọn		4/8				
1	Automat và ngôn ngữ hình thức	DC2TH33	2	30			
2	Nhập môn chương trình dịch	DC2TH34	2	30			
3	Kỹ thuật số	DC2DT61	2	30	30		
4	Kỹ thuật vi xử lý	DC2DT63	2	30	30		
II.2	Kiến thức ngành		42				
	* Học phần bắt buộc		38				
1	Tiếng Anh 3	DC3HT33	3	30	30		DC1CB32
2	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	DC3HT40	3	30	30		
3	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	DC3HT21	3	30	30		DC2TT22
4	Trí tuệ nhân tạo	DC3HT12	3	45			DC2TT21
5	Hệ trợ giúp quyết định	DC3HT22	3	30	30		
6	Nhập môn Xử lý ảnh	DC3HT16	3	30	30		DC2TT23
7	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	DC3HT15	3	30	30		DC2HT37
8	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	DC3HT51	2	30			DC2HT13
9	Hệ cơ sở tri thức	DC3HT23	3	45			DC3HT12
10	Đồ án Xây dựng hệ thống thông tin	DC3HT49	3			135	DC2HT37
11	Đồ án Mạng máy tính	DC3HT48	3			135	
12	Thiết kế mạng máy tính	DC3HT46	3	15	60		
13	Quản trị mạng	DC3TT47	3	30	30		
	* Học phần tự chọn		4/8				
1	Hệ điều hành Unix	DC3TH63	2	15	30		

2	Nhập môn tương tác người - máy	DC3TH17	2	30			DC2HT37
STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
3	Cơ sở dữ liệu phân tán	DC3TH24	2	30			
4	Đồ họa ứng dụng	DC3TH25	2	30			
II.3	Thực tập và đồ án tốt nghiệp		12				
1	Thực tập tốt nghiệp	DC4TH70	4			180	
2	Đồ án tốt nghiệp	DC4TH80	8			480	DC4TH70
	Tổng cộng		144				

8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ							
			I	II	III	IV	V	VI	VII	IX
8.1	Kiến thức giáo dục đại cương	44								
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2							
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3		3						
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					2			
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3						3		
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	2			2					
6	Tiếng Anh 1	4	4							
7	Tiếng Anh 2	4		4						
8	Toán 1	4	4							
9	Toán 2	3		3						
10	Toán 3	4			4					
11	Vật lý đại cương 1	4	4							
12	Vật lý đại cương 2	2		2						
13	Tin học đại cương	3	3							
14	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	1 đvht	1							
15	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	1 đvht		1						
16	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	1 đvht			1					
17	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	1 đvht				1				
18	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	1 đvht					1			
19	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	3			3					
20	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	2			2					

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ							
			I	II	III	IV	V	VI	VII	IX
21	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3				3				
22	Tự chọn 1	2				2				
23	Tự chọn 2	2			2					
8.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	100								
8.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	46								
24	Toán học rời rạc	3		3						
25	Kiến trúc máy tính	3		3						
26	Nhập môn Cơ sở dữ liệu	3			3					
27	Nguyên lý Hệ điều hành	3				3				
28	Ngôn ngữ lập trình C	3			3					
29	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4			4					
30	Nhập môn mạng máy tính	3			3					
31	Lập trình trực quan C#	3				3				
32	Lý thuyết đồ thị	2				2				
33	Lập trình hướng đối tượng C++	3				3				
34	Lập trình trên môi trường Web	3					3			
35	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3					3			
36	Công nghệ phần mềm	3						3		
37	Kỹ thuật đồ họa máy tính	3						3		
38	Tự chọn 3	2					2			
39	Tự chọn 4	2					2			
8.2.2	Kiến thức ngành	42								
40	Tiếng Anh 3	3				3				
41	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	3						3		
42	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	3				3				
43	Trí tuệ nhân tạo	3					3			
44	Hệ trợ giúp quyết định	3							3	
45	Nhập môn Xử lý ảnh	3							3	
46	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	3						3		
47	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	2					2			
48	Hệ cơ sở tri thức	3							3	
49	Đồ án Xây dựng hệ thống thông tin	3							3	
50	Đồ án Mạng máy tính	3							3	
51	Thiết kế mạng máy tính	3						3		
52	Quản trị mạng	3					3			
53	Tự chọn 5	2							2	
54	Tự chọn 6	2							2	
8.2.3	Thực tập và đồ án tốt nghiệp	12								

55	Thực tập tốt nghiệp	4								4
STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ							
			I	II	III	IV	V	VI	VII	IX
56	Đồ án tốt nghiệp	8								8
	Tổng cộng	144	17	18	21	19	20	18	19	12

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo Đại học Hệ thống thông tin thuộc ngành đào tạo Hệ thống thông tin

- Danh mục và khối lượng các học phần đưa ra tại mục 7 gồm 2 phần:

+ Những học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy;
+ Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình;

- Mỗi học phần được liệt kê ở bảng danh mục các học phần trong chương trình đào tạo (mục 7) đều phải có đề cương chi tiết học phần (kể cả các học phần tự chọn); phòng Đào tạo phối hợp với các khoa liên quan triển khai xây dựng đề cương chi tiết học phần (theo mẫu chung của Trường) trình Hiệu trưởng ký duyệt trước khi tổ chức giảng dạy.

- Trong đề cương chi tiết học phần cần nêu rõ những nội dung trọng tâm phải kiểm tra và những sách, giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo (nêu rõ tên tài liệu, tác giả và năm xuất bản); để sinh viên có thể tự học được, cần chỉ rõ để học chương này cần phải đọc những sách, tài liệu nào, ở đâu.

- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và hướng dẫn của Trường.

- Chương trình đào tạo thiết kế cho 8 học kỳ chính. Ngoài 8 học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm các học kỳ phụ vào thời gian hè để sinh viên có điều kiện học lại; học bù hoặc học vượt.

- Kế hoạch đào tạo cho các học kỳ được xây dựng trong mục 8 chỉ có tính chất định hướng (dự kiến) để sinh viên đăng ký khối lượng học tập, giảng viên cố vấn học tập cho sinh viên. Căn cứ vào khối lượng học tập sinh viên đăng ký theo từng học phần, phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa/Bộ môn biên chế lớp học trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Hàng kỳ, căn cứ tình hình thực tế và khối lượng của các học phần, phòng Đào tạo và các khoa cần điều chỉnh cho phù hợp.

Trong quá trình thực hiện chương trình, Khoa/Bộ môn thấy cần điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, báo cáo lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường trình Hiệu trưởng quyết định.

HIỆU TRƯỞNG

TS. ĐỖ NGỌC VIỆN